|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT AN MINH  **TỔ NGỮ VĂN** | **MA TRẬNĐỀ KIỂM TRA GIỮAKỲ HỌC KỲ I**  **MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10**  **THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |  |
| ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***( %)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phú)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phú)*** | ***Số***  ***câu hỏi*** | ***Thời gian (phú)*** |
| **1** | Đọc hiểu | 20 | 10 | 20 | 10 | 10 | 10 | 0 | 0 | 08 | 30 | 50 |
| **2** | Làm văn | 15 | 5 | 15 | 5 | 10 | 20 | 10 | 30 | 01 | 60 | 50 |
| **Tổng** | | **35** | **15** | **35** | **15** | **20** | **30** | **10** | **30** | **09** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | **35** | | **35** | | **20** | | **10** | |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |

***Lưu ý:***

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.

- Cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án và Hướng dẫn chấm*.

**III. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | **Tổng** | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  | |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | - Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích **Truyện** (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích.  - Xác định được cốt truyện; các sự việc, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong văn bản/đoạn trích.  - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích.  - Nhận diện đặc điểm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp, các nhân tố tham gia giao tiếp thể hiện trong văn bản/đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu…  - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, xây dựng nhân vật, chi tiết hoang đường kì ảo…  - Hiểu được một số đặc trưng của tự sự thể hiện trong văn bản/ đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức… trong văn bản/ đoạn trích.  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản /đoạn trích. | 4 | 3 | 1 | 0 | 8 | |
| - Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích **Thơ** (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Xác định được phương thức biểu đạt, thể thơ, nhân vật trữ tình của văn bản/đoạn trích  - Xác định được đề tài; chủ đề, chi tiết, hình ảnh nghệ thuật đặc sắc…. của văn bản/ đoạn trích.  - Chỉ ra được thông tin trong văn bản/ đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/ đoạn trích.  - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: hình ảnh, ngôn ngữ, biện pháp tư từ,...  - Hiểu được một số đặc trưng của thơ mới Việt Nam/ thơ Đường luật/thơ hai-cư thể hiện trong văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Nhận xét ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức của văn bản/đoạn trích.  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản/đoạn trích. |
| **2** | **LÀM VĂN** | - **Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm/ đoạn trích truyện (Chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật)** *(Ngoài sách giáo khoa)* | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.  - Nêu được thể loại, cốt truyện, đề tài, nhân vật, các chi tiết, sự việc của văn bản  **Thông hiểu:**  - Trình bày được chủ đề và nghệ thuật của tác phẩm/đoạn trích theo yêu cầu đề bài  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về truyện, để viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài.  - Đánh giá, nhận xét giá trị của văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng cao:**  - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận;  - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.  - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. |  |  |  |  | 1\* | |
| **Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm/ đoạn thơ**  *(Ngoài sách giáo khoa)* | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận  - Nêu được thông tin về tác giả, tác phẩm (bài hoặc đoạn thơ).  - Nêu nội dung, chủ đề, cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của đoạn/ bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải được những giá trị về nội dung, nghệ thuật của đoạn/ bài thơ theo yêu cầu đề bài  - Lí giải được một số đặc điểm thể loại được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.  - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả.  - Vận dụng các kĩ năng tạo lập văn bản; kiến thức đã học về thơ để viết bài văn nghị luận đáp ứng yêu cầu của đề bài.  **Vận dụng cao:**  - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.  - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.  - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong bài thơ đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **9** | |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **35** | **35** | **20** | **10** |  | |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | |  | |

**IV. ĐỀ**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT AN MINH  **TỔ NGỮ VĂN**  *(Đề gồm có 02 trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ HỌC KỲ I**  **MÔN: NGỮ VĂN - KHỐI 10**  *(Thời gian:**90 phút, không kể thời gian phát đề)* |

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)**

**Đọc bài thơ sau:**

*Đã thấy xuân về với gió đông,  
Với trên màu má gái chưa chồng.  
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm  
Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.  
  
Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,  
Mưa tạnh trời quang, nắng mới hoe.  
Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?  
Gió về từng trận, gió bay đi...  
  
Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,  
Lúa thì con gái mượt như nhung  
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,  
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.  
  
Trên đường cát mịn, một đôi cô,  
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.  
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,  
Lần lần tràng hạt niệm nam mô.*

( ***Xuân về -*** Nguyễn Bính, Trích từ *Thi nhân Việt Nam*,

Hoài Thanh, NXB Văn học, 1997, tr.351)

**Thực hiện những yêu cầu:**

**Câu 1.** Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ là gì?

**Câu 3.** Xác định nhịp và vần trong khổ thơ sau:

*Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,  
Lúa thì con gái mượt như nhung  
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,  
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng..*

**Câu 4.** Cảnh *xuân về* được tác giả gợi ra qua những hình ảnh nào?

**Câu 5.** Em hiểu gì về câu thơ: *Từng đàn con trẻ chạy xun xoe.?*

**Câu 6.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ:

*Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,  
Lúa thì con gái mượt như nhung.*

**Câu 7.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai? Bộc lộ cảm xúc như thế nào?

**Câu 8.** Trong bài thơ, hình ảnh nào gợi cho em nhiều ấn tượng nhất về mùa xuân? Vì sao?

**II. PHẦN VIẾT (5.0 điểm)**

Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá đoạn truyện sau:

*“...Mới đầu, dì Hảo khóc lóc đến mười hôm: Dù có được ăn no, mặc lành đi chăng nữa, người ta cũng không thể phút chốc mà quên cái lều hôi hám là nơi mình đói rách, khổ sở với em và mẹ. Nhưng rồi dì cũng khuây dần. Dì theo mẹ tôi đi nhà thờ học kinh và "các lễ" cầu cho được rỗi các linh hồn. Dì thấy đi đạo cũng vui. Dần dần người ta dạy cho dì biết có một đức Chúa lời dựng nên trời đất, muôn vật và loài người ta, đức Chúa lời có ba ngôi và ngôi thứ hai ra đời lấy tên là Giê-su; đức Chúa Giê-su chịu đóng đanh trên cây thánh giá để chuộc tội cho thiên hạ.. Ai tin những điều ấy thì được rỗi linh hồn, bằng ai chẳng tin, thì phải xuống địa ngục đầy lửa sinh, lửa diêm, có tiếng khóc lóc và nghiến răng. Tiếng khóc lóc và nghiến răng ken két, thì dì không sợ lắm. Hồi còn ở nhà, em dì khóc nhè nhè suốt ngày; những hôm nó nóng đầu, thì đêm ngủ nó nghiến răng ken két; quen đi thì cũng không sợ gì, nhưng dì sợ lửa sinh, lửa diêm nó thiêu đốt người ta đời đời kiếp kiếp. Có là thánh cũng không chịu nổi! Nghe nói đến địa ngục là dì lừ lưỡi ra. Và dì tin. Dì trở nên rất ngoan đạo nữa. Dì với tôi đọc kinh và hát vãn với nhau suốt ngày.*

*[...]*

*Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiến chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hắn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm ngơ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gây dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tổn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở...*

***(****Trích* ***Dì Hảo*** *–Tuyển tập truyện ngắn Đôi mắt, Nam Cao, NXB VH, 2017, tr. 208****)***

*-----Hết-----*

**V. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **Đọc hiểu** | | | **5.0** |
| **1** | | **Câu 1**. Thể thơ: 7 chữ  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm.*  *+ Câu trả lời khác hoặc không trả lời : 0 điểm.* | **0.5** |
| **2** | | **Câu 2**. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm.*  *+ Câu trả lời khác hoặc không trả lời : 0 điểm.* | **0.5** |
| **3** | | **Câu 3:** - Nhịp:  + dòng 1: nhịp 2/5  + dòng 1: nhịp 4/3  + dòng 1: nhịp 4/3  + dòng 1: nhịp 4/3  - Vần: ông - ong *(đồng - vòng)*  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời như đáp án: 0.75 điểm.*  *+ Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm.*  *+ Câu trả lời khác hoặc không trả lời : 0 điểm.* | **0.5** |
| **4** | | **Câu 4:** Cảnh xuân về được gợi qua các hình ảnh: *Mưa tạnh trời quang; nắng mới hoe; lá nõn; nhành non; hoa bưởi hoa cam rụng; từng đàn con trẻ chạy xun xoe....* ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh tìm được từ 6 hình ảnh như đáp án : 0.5 điểm.*  *+ Học sinh chỉ tìm được chỉ 3 hình ảnh : 0.25 điểm*  *+ Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0 điểm* | **0.5** |
| **5** | | **Câu 5.** Hiểu câu thơ:*Từng đàn con trẻ chạy xun xoe*  Diễn tả sự tâm trạng vui tươi, háo hức của đàn con trẻ, khi xuần về Tết đến...  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời được tâm trạng của đàn con trẻ như đáp án : 0.5 điểm.*  *+ Học sinh hiểu nhưng chỉ tả lời chung chung: 0.25 điểm*  *+ Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0 điểm* | **0.75** |
| **6** | | **Câu 6**.  - BPTT: + So sánh: *Lúa thì con gái mượt* ***như*** *nhưng*  + Ẩn dụ: *Lúa thì con gái*  dùng để chỉ lúa đang giai đoạn phát triển tươi tốt chuẩn bị đón đòng đòng..  - Tác dụng: Làm cho ảnh ảnh lúa trên đồng thêm sinh động, tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu thơ...(Có thể HS nói thêm về cảm xúc của nhà thơ, sự tinh tế trong việc cảm nhận thiên nhiên...)  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh tìm được* ***một*** *trong* ***hai*** *BPTT và nêu được tác dụng: 1,0 điểm.*  *+ Học sinh xác định được1 BPTT không nêu tác dụng hoặc nêu sai: 0,5 điểm*  *+ Câu trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm.*  ( Chấp nhận diễn đạt tương đồng.) | **1.0** |
| **7** | | **Câu 7.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ không xác định cụ thể (có thể là một chàng trai) Qua việc miêu tả cảnh xuân với thiên nhiên và con người trong bài thơ ta có thể thấy tâm trạng cảm xúc của nhân vật trữ tìnhcũng vui tươi hớn hở khi xuân về,  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời đúng: 0.5 điểm.*  *+ Trả lời sai hoặc không trả lời:0 điểm*  ( Chấp nhận diễn đạt tương đồng.) | **0.5** |
| **8** | | **Câu 8.** ***HS có thể chọn hình ảnh ấn tượng theo sự cảm nhận của cá nhân, GV cho điểm tùy vào cách lí giải của các em.***  Gợi ý:  - Có thể chọn hình ảnh thiên nhiên với những đặc trưng riêng biệt về mùa xuân  - Cũng có thể là hình ảnh con người với sự vui tươi háo hức....  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh chọn được hình ảnh và lí giải hợp lí: 1.0 điểm.*  *+ Học sinh chọn được hình ảnh và lí giải chưa được: 0,5 điểm.*  *+ Học sinh không trả lời:0 điểm* | **1.0** |
| **II** | **PHẦN VIẾT** | | | **5.0** |
| **Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá đoạn truyện *Dì Hảo*** | | | | |
| **a** | *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một truyện* | | **0.5** |
| **b** | Xác địnhđúng kiểu bài, vấn đề nghị luận  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng: không cho điểm* | | **0.5** |
| **c** | *Triển khai vấn đề*  Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, đánh giá nội dung và hình thức nghệ thuật của đoạn truyện Dì Hảo | | **3.0** |
| Giới thiệu khái quát về đoạn truyện  *+**Học sinh giới thiệu được khái quát tên tác giả, tên tác phẩm, đoạn thơ cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *+ Học sinh không giới thiệu được: 0 điểm* | | **0.5** |
| - Phân tích nội dung đoạn truyện với những dẫn chứng phù hợp từ văn bản:  + *Nhân vật Dì Hảo được khắc họa qua ngoại hình: què liệt...*  *+ Nhân vật Dì Hảo được khắc họa qua hoàn cảnh, số phận: nghèo khổ, khốn khó lại bị phụ bạc...*  - Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật: *cách xây dựng nhân vật, ngôn ngữ... .* với những dẫn chứng chứng phù hợp lấy từ văn bản.  ***Hướng dẫn chấm:***  *+ Học sinh phân tích, đánh giá đầy đủ, sâu sắc: 2.0 điểm.*  *+ Học sinh phân tích, đánh giá chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,0 điểm – 1,75 điểm.*  *+ Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện, chưa đánh giá: 0,5 điểm - 0,75 điểm.*  *+ Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện, chưa đánh giá: 0,25 điểm.*  *+ Học sinh không trình bày được: 0 điểm* | | **2.0** |
| *-* Khẳng định giá trị của đoạn ttruyện; Nêu ý nghĩa đối với bản thân và người đọc.  ***Hướng dẫn chấm:***  *+**Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *+Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.*  *+ Học sinh không trình bày được: 0 điểm* | | **0.5** |
| **d** | *Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *+Học sinh không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp: 0.5*  *+ Học sinh mắc một vài lỗi chính tả, ngữ pháp: 0.25*  *+ Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | | **0.5** |
| **e** | *Sáng tạo*  - So sánh với hình tượng nhân vật trong các tác phẩm truyện khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề cần nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.  ***Hướng dẫn chấm:***  - *Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  - *Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.*  *- Không đáp ứng được yêu cầu: 0 điểm* | | **0.5** |
| ***Tổng điểm*** | | | | **10.00** |